

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI
BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
GPKD: 28/GP/KDBH do BTC cấp ngày
15/11/2004

Số: 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- ≡ -----

Hà Nội ngày 11 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Căn cứ:

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 11 tháng 6 năm 2020;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty Deloitte Việt Nam:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2019: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.772.562.125.506 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.921.058.225.708 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:

Dự phòng Nhượng TBH: 1.510.842.655.787 VND

Dự phòng Nhận TBH: 2.825.201.498.892 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019 (VND)
Doanh thu phí nhận Tái bảo hiểm	2.221.248.294.242
▪ Doanh thu phí nhận không bao gồm hoạt động thí điểm Bảo hiểm Nông nghiệp (BHNN)	2.221.248.294.242
▪ Doanh thu phí nhận hoạt động thí điểm BHNN	0
Phí giữ lại	1.190.969.680.063
▪ Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.190.969.680.006
▪ Phí giữ lại hoạt động thí điểm BHNN	57

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác	301.543.392.923
Lợi nhuận trước thuế	332.126.614.132
▪ Trong đó, lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá (không được dùng để chia cổ tức)	(248.994.817)

Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019: Một số chỉ tiêu chính :

- Tổng tài sản: 6.994.381.824.809 VND
- Vốn chủ sở hữu: 3.107.341.671.545 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.510.842.655.787 VND*
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.825.201.498.892 VND*

Điều 2: Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2019, nội dung chủ yếu như sau:

2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện 2019:

Chỉ tiêu lợi nhuận	Số tiền (VND)
Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2019	440.887.305.670
- Lợi nhuận được phân phối	364.443.745.080
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	76.443.560.590
Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2019	274.561.743.847
- Lợi nhuận được phân phối	274.810.738.664
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	(248.994.817)
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2019	715.449.049.517
- Lợi nhuận được phân phối	639.254.483.744
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	76.194.565.773

2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2019:

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2019	Số tiền (VND)
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)	0
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	4.122.161.080

Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	4.287.887.563
Chi khen thưởng CBNV VINARE nhân kỷ niệm 25 năm thành lập	2.000.000.000
Chi trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 20%)	262.151.874.000
Lợi nhuận còn lại	442.887.126.874
▪ Lợi nhuận được phân phối	366.692.561.101
▪ Lợi nhuận không được phân phối (chênh lệch tỷ giá)	76.194.565.773

(Mức trích lập các quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008)

Điều 3: Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2019: **2.134.500.000 VND**. (Mức chi thù lao đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ).

Điều 4: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

4.1 Chỉ tiêu kế hoạch 2020:

Đơn vị Tr. VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	2.565.000	2.221.248	15,5%
Lợi nhuận trước thuế	355.600	332.127	7,0%
- Chênh lệch tỷ giá (không được phân phối)	(chưa xác định)	-249	
- Lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (không được phân phối)	355.600	332.376	
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	12%	20%	

4.2 Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị phê chuẩn việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2019 và nhiệm kỳ 2015 - 2019 (báo cáo đính kèm).

Điều 6: Thông qua Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát 2019 và nhiệm kỳ 2015 - 2019 (báo cáo đính kèm).

Điều 7: Thông qua phương thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2020:

7.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2020, bao gồm các công ty sau:

1. Công ty KPMG Việt nam
2. Công ty Deloitte Việt Nam
3. Công ty Ernst & Young Việt Nam
4. Công ty Pricewaterhouse Coopers Việt Nam

7.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Điều 8: Thông qua kế hoạch kinh doanh 5 năm 2020 – 2024:

8.1 Chỉ tiêu kết quả kinh doanh (*chưa tính đến ảnh hưởng của đại dịch Covid 19*):

- Tăng trưởng doanh thu phí nhận bình quân: 9%/năm
- Tỷ lệ combined ratio bình quân tối đa: 98%
- Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân: tối thiểu 7%/năm
- Tỷ lệ cổ tức tối thiểu: 12%/năm
- ROE bình quân tối thiểu: 10%

8.2 Chỉ tiêu về vốn điều lệ: Vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ cho đến năm 2024. Thời điểm và phương thức phát hành theo đề án do Tổng Công ty xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 9: Thông qua toàn văn Quy chế Quản trị Tổng công ty của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (*Quy chế đính kèm*).

Điều 10: Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024 như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2024: 09 người
- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 - 2024: 05 người

Điều 11: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2024:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn
2. Ông Phạm Công Tứ
3. Ông Mai Xuân Dũng
4. Ông Jared Orchard
5. Ông Nguyễn Xuân Việt
6. Ông Nguyễn Đình An
7. Ông Vũ Anh Tuấn

8. Ông Đào Nam Hải
9. Ông Phạm Phan Dũng

Điều 12: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2024

1. Bà Lê Thị Thanh Hiền
2. Ông Tushar Chatterjee
3. Ông Vũ Ngọc Vượng
4. Ông Trần Trung Tính
5. Ông Đào Mạnh Dương

Điều 13: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 6 năm 2020. Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu: Thư ký HĐQT, KT, ĐT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Song Lai

